

Bản án số: 191/2024/LĐ-ST
Ngày: 26-12-2024
V/v “Tranh chấp yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động
vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Đới - Cán bộ hưu trí.
- Bà Nguyễn Thị Rạt – Cán bộ hưu trí, nguyên Phó Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Đức Hòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 208/2024/TLST - LĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2024/QĐXXST - LĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐ-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Bé V, sinh năm 1991. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (*xin vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH S

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ho Jin B – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Bảo Q- Nhân viên.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Võ Thị Bé L, sinh năm 1993. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: T, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Long An. *(xin vắng mặt)*

Trụ sở: số 08 Tuyến tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Võ Thị Bé V do ông Võ Hoài P đại diện trình bày:

Vào tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có hiểu biết về kiến thức về pháp luật lao động nên V có cho mượn hồ sơ cá nhân của V cho em Võ Thị Bé L, Sinh ngày: 05/05/1993 đi làm cho Công ty TNHH S tại ấp Đ. Xã Đ, Huyện Đ, Tỉnh Long An với vị trí là Công nhân và tham gia bảo hiểm xã hội trên số số 8009035978 từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 (Số này chưa hưởng chế độ). Nhưng từ tháng 04/2010 đến 02/2023 V đi làm và có tham gia Bảo hiểm xã hội trên số số Bảo hiểm xã hội là 7910135041. Vào 03/2023 Văn nghỉ đăng ký hưởng Bảo hiểm thất nghiệp tại trung tâm G, được duyệt vào ngày 13/04/2023 theo quyết định số 7922/QĐ-SLĐTBXH - BHTN nhưng vào kỳ hưởng đầu tiên thì V bị phát hiện bị trùng quá trình đóng BHXH với Công ty TNHH S. Thực hiện theo công văn 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/05/2022 của Bộ L1 xã hội thì trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu. Thẩm quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân. Biết cho người khác mượn hồ sơ của mình để đi làm và ký hợp đồng lao động là không trung thực và hiện tại gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Võ Thị Bé V là không hưởng được các chế độ của Bảo hiểm xã hội. Để có đủ hồ sơ tách quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội bị trùng của Võ Thị Bé V tại Công ty TNHH S và đề V đủ điều kiện hưởng chế độ: Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm xã hội một lần theo qui định.

Nay yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Võ Thị Bé V (nhưng người lao động thực tế là Võ Thị Bé L) với Công ty TNHH S từ 10/2009 đến tháng 03/2012 vô hiệu do không đúng nhân thân để V đủ điều kiện hưởng Bảo hiểm xã hội theo qui định.

- Điều chỉnh thông tin cá nhân trên số BHXH số 8009035978 từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 từ tên Võ Thị Bé V với quá trình tham gia tại Công ty TNHH S thành tên Võ Thị Bé L cho đúng nhân thân.

Bị đơn Công ty TNHH S do ông Huỳnh Bảo Q đại diện trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của bà V, yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa Võ Thị Bé V (nhưng người lao động thực tế là Võ Thị Bé L) với Công ty TNHH S từ 10/2009 đến tháng 03/2012 vô hiệu thì Công ty không đồng ý, vì khi người lao động đến công ty làm việc thì công ty nhận đủ hồ sơ xin việc gồm: Đơn xin việc,

sơ yếu lý lịch, xác nhận hạnh kiểm, CMND phôtô, hộ khẩu phôtô, tất cả các giấy tờ này đều được xác nhận và đóng dấu sao bản chính. Công ty không thể xác minh đó là hồ sơ thật hay giả. Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ theo quy định của pháp luật. Do đó, Công ty không đồng ý vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà V với công ty.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bé L trình bày:

Trước đây bà có mượn chứng minh nhân dân của bà Võ Thị Bé V để đi làm tại Công ty TNHH S và có tham gia bảo hiểm xã hội số Sổ bảo hiểm 8009035978.

Nay do trùng thời gian đóng BHXH bà Võ Thị Bé V không thể lãnh tiền bảo hiểm được. Nên bà đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé V, đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Bé V (do bà làm việc) với Công ty TNHH S từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 để bà Võ Thị Bé V đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có văn bản trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định bà Võ Thị Bé V có thời gian đóng BHXH từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 với số sổ BHXH 8009035978 tại Công ty TNHH S.

Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN đến ngày 20/11/2024, cơ quan BHXH đã giải quyết chế độ BHXH một lần với thời gian đóng BHXH trên theo Quyết định số 072022/QĐ-BHXH ngày 09/4/2013 của BHXH huyện Đ với số tiền hưởng là 6.377.501 đồng.

Theo quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD, BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT không quy định người lao động đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động cung cấp hợp đồng lao động trong thành phần hồ sơ khi đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD, BNN. Nên BHXH tỉnh L không cung cấp được theo yêu cầu của TAND huyện Đức Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Bé V về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Bé V (do Võ Thị Bé L làm việc) với Công ty TNHH S từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 do hợp đồng được ký kết không đúng với nhân thân, vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16

của Bộ luật Lao động. Điều chỉnh tên Võ Thị Bé V trên sổ bảo hiểm xã hội số 8009035978 thành tên Võ Thị Bé L.

Các đương sự không yêu cầu xử lý hậu quả khi hợp đồng lao động vô hiệu, do đó đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé V nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH S có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Bà Võ Thị Bé V là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Võ Thị Bé L và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không áp dụng thời hiệu.

[1.4] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Võ Thị Bé V, người đại diện của Công ty TNHH S, bà Võ Thị Bé L, đại diện BHXH tỉnh L có đề nghị được vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng lao động: Bà Võ Thị Bé V khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Bé V do bà Võ Thị Bé L trực tiếp tham gia lao động với Công ty TNHH S là vô hiệu. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V và bà L thống nhất trình bày: Bà Võ Thị Bé V có cho bà Võ Thị Bé L mượn chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Bé V để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 tại Công ty TNHH S theo sổ BHXH số 8009035978. Đồng thời, từ tháng 04/2010 đến tháng 02/2023 bà Võ Thị Bé V cũng tham gia lao động tại công ty khác và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo sổ số là 7910135041.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội số 7910135041, thể hiện bà Võ Thị Bé V đi làm tại Công ty TNHH P1, tham gia bảo hiểm từ tháng 04/2010 đến tháng 02/2023 và sổ BHXH số 8009035978 cũng

thể hiện bà Võ Thị Bé V đi làm tại Công ty TNHH S, tham gia bảo hiểm từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2012.

Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian tháng 04/2010 đến tháng 03/2012 bà Võ Thị Bé V cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH P1 và Công ty TNHH S. Do đó, việc bà Võ Thị Bé L ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S nhưng với tên bà Võ Thị Bé V là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Bé V và Công ty TNHH S là không có hiệu lực. Do đó, nay bà Võ Thị Bé V yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Bé V và Công ty TNHH S trong khoảng thời gian tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là bà Võ Thị Bé L trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên bà Võ Thị Bé V vô hiệu là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Bà Võ Thị Bé V, Công ty TNHH S, bà Võ Thị Bé L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Bé V tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty TNHH S nên Công ty TNHH S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007); Điều 190 Bộ luật lao động năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé V.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Võ Thị Bé V với Công ty TNHH S từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 là vô hiệu.

Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009035978 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp cho bà Võ Thị Bé V do Công ty TNHH S nộp từ tháng 10/2009 đến tháng 03/2012 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên Võ Thị Bé L.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Võ Thị Bé V phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Bé V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006134 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Trang